

ĐẠI VIỆT

TẬP CHÍ

REVUE BI MENSUELLE PARAissant LE 1er ET LE 16 DE CHAQUE MOIS

Giám-đốc : HỒ-VĂN TRUNG



MỤC LỤC

- | | | |
|----|--|------------------|
| 1— | Lễ Thu-Đinh : Đông Tây hội ngộ | HỒ-VĂN-TRUNG |
| 2— | Nho học với nhơn đạo | THIẾU-SON |
| 3— | Nam triều ngoại-thích | BIỂU-CHÁNH |
| 4— | Tình tri-kỹ (liếp theo và hết) | PHONG-VŨ |
| 5— | Một cái mộng muôn đời : Sự chế ra vàng | PHAN-VĂN-TIÊN |
| 6— | Đế-hệ và Phiên-hệ | THƯỢNG-TÂN-THỊ |
| 7— | « Rương vàng của con tôi » (tiếp theo) | TRƯƠNG-VĨNH-TỔNG |
| 8— | Ái-tình Miến (tiểu-thuyết) | HỒ BIỂU-CHÁNH |



Bao-quan : 5, rue de Reims, Saigon — Giá mỗi số : 0 \$ 40

ĐẠI VỊT

TẬP CHÍ

REVUE DE MÉTHODES DE TRAVAIL ET DE CHATRE NOUS

HO-VAN TRUNG

1943

1943

1943

MỤC LỤC

- 1- Là là là... (đồng tác giả)
- 2- Là là là... (đồng tác giả)
- 3- Là là là... (đồng tác giả)
- 4- Là là là... (đồng tác giả)
- 5- Là là là... (đồng tác giả)
- 6- Là là là... (đồng tác giả)
- 7- Là là là... (đồng tác giả)
- 8- Là là là... (đồng tác giả)

LỄ THU-ĐÌNH

TẠI ĐÀI VÔ-TUYẾN-ĐIỆN SAIGON

Ngày lễ Thu-Đình năm nay, nhằm 26 Septembre, Tòa-soạn N. K. T. B. và Đ. V. T. C. có hiệp cùng sở Vô Tuyến - điện Saigon mà tổ chức cuộc kỷ niệm Chí-Thánh Tiên-sư Khổng - Tử.

Ngày ấy, đúng 18 giờ 45, tại đài Vô Tuyến-điện Saigon có đặt hương án nghiêm trọng, mùi trầm ngui ngút, đăng hĩa huy hoàng. Bạn òng vẫn đến dự lễ khá đông.

Đúng giờ hành lễ, bốn chí Chủ nhiệm sau khi gạt đầu trước bàn thờ Khổng-Thánh liền khai mạc cuộc lễ, nói chuyện với đề « Đông Tây hội ngộ ».

Kể đó thì ông Đặng-thức-Liêng, một đại danh nho của đất Đồng-Nai hiện-thời, tiếp giảng sách theo điệu thầy nho hồi xưa.

Sau hết ông Lê-sĩ-Quý, biệt hiệu Thiếu-Sơn, bế mạc với câu chuyện « Khổng-giáo và nhơn loại ».

Cuộc lễ được kết quả đẹp đẽ về hình thức và ảnh hưởng sâu xa về tinh thần.

Chúng tôi đăng sau đây hai bài nói chuyện của bốn chí Chủ-nhiệm và bạn Thiếu-Sơn để cố gắng hiển cho chư độc giả không được nghe truyền-thành hôm ấy.

TÒA-SOẠN



ĐÔNG TÂY HỘI NGỘ

Bài của ông Hồ-văn-Trung đọc tại Đài Vô-tuyến-điện Saigon
lúc làm lễ Thu-đình, ngày 26 Septembre 1943

Thưa các Ngài,

Ở vào giữa tiết Thu, lại nhằm ngày Hạ-đình trong tuần tháng 8, ngày nay chánh là ngày của các hội văn học cùng tế đức Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử.

Một nhóm văn nhơn nhiệt thành với cuộc chấn hưng Việt Nam văn học và Việt Nam luân lý, nghĩ rằng đài văn học và luân lý của chúng ta, cách vài ngàn năm trước, đã bắt đầu xây dựng trên nền tảng Nho học. Tuy cách 300 năm trước đây, nhờ ông Alexandre de Rhodes, tục gọi là Cố đạo Tráng, bày ra cho ta

thứ chữ rất tiện dụng, là chữ quốc ngữ, nên ta mới có văn tự riêng; lại tuy gần một thế kỷ nay nhờ pháp học gieo rất vào trí não ta nhiều điện văn mới lạ, những lý tưởng huyền bát, nên văn học ta mới được thêm vẻ tươi tốt, luân lý ta mới được có tư cách hấp thời, nhưng mà dầu chữ quốc ngữ đã giúp ta mở rộng nền văn, dầu pháp học đã giúp ta khai thông trí thức, ngặt Nho giáo đã tập thành phong tục vô nắn tâm hồn cho ta từ ngàn xưa, bởi vậy cái tinh thần cũng như cái cơ sở của văn học Việt Nam bao giờ cũng không rời khỏi ảnh hưởng Nho giáo được.

Bởi nghĩ như vậy nên đến ngày Thu đình này, mấy bạn văn nhơn mới hiệp nhau tại Đài Vô Tuyến Điện Saigon mà lễ bái Chí thánh Khổng Tiên sư, để tỏ lòng tri nguyên niệm bản. Mấy bạn lại phải tôi khai mạc lễ truy niệm với câu chuyện về « ĐÔNG TÂY HỘI NGỘ ».

Thưa các Ngài.

Khép nép đứng trước hương án đức Khổng Thánh, mùi trầm ngui ngút, đăng hạo huy hoàng, vì trí tôi vọng tưởng chư thánh chư hiền Đông Tây, nên lòng tôi cảm xúc rồi sục sè ái ngại.

Thưa các Ngài, muốn nói chuyện đạo đức, thì phải một người đầy đủ đạo tâm đức hạnh mới nên nói; muốn giảng giải thánh hiền thì phải một người bát lăm kinh Thánh truyện Hiền mới nên giảng. Một dung nhơn như tôi, không có được một trong những điều kiện ấy, mà tôi táo bạo dám lãnh sứ mạng lên diễn đàn, ấy là vì tôi nhớ khi xưa đức Khổng Thánh đến nước Tống, khuyên Tống quân, ngài có nói: « Sùng đạo quý đức thánh nhơn tự tại ». Nếu mình tôn sùng quý trọng đạo đức, thì tự nhiên thánh nhơn sẽ đến. Tuy ít học thức, tuy thiếu đạo hạnh, nhưng chắc hẳn tôi thành thiết tôn Thánh giáo, trọng hiền ngôn thăm mong lòng sốt sắng ấy sẽ được cả thấy Thánh Hiền từ phương chửu chiếu rồi cùng nhau đến đây nhận thiết cho cuộc « ĐÔNG TÂY HỘI NGỘ » của chúng ta hôm nay.

Thưa các Ngài,

Chúng ta ở xa Huyện Khúc phụ là nơi Ngọc lân xuất thế cách mấy ngàn năm xưa. Chúng ta cũng ở xa thành Paris là ngọn đuốc văn minh thuần túy của thế giới. Tuy vậy mà trước kia ta đã được đạo đức Khổng Mạnh ung đức tâm hồn ta. rồi sau này ta lại được văn hóa La tinh trau dồi trí não ta nữa. Ta đã học thuộc câu “Tọa khởi cung kính, ngôn tất thành tín, hành

"tất trung chánh" của Khổng Phu Tử, mà ta còn được nghe câu
« Il s'agit de vivre dans la droiture et la loyauté » của Quốc-
Trưởng Pétain nữa. Vùng đất Việt này trước kia đã rước qui
tắc "Tu thân, Tề gia, Trị quốc" của cựu Đông Phương mà làm
nền tảng xã hội, rồi hôm nay lại được rước thêm biểu hiệu
« Cần-lao Gia đình Tổ quốc » của Tân Đại Pháp để làm chủ
hướng phục hưng.

Thưa các Ngài,

Khổng-Thánh có dạy : « Ngôn bất vụ đa, tất thâm kỳ sở vị ».
Vậy tôi không dám nói nhiều, chỉ dẫn sơ vài chỗ Đông Tây
phù hiệp trong địa hạt lý tưởng, trong địa hạt đạo đức, để chứng
nhận sự « Đông Tây hội ngộ », và hội ngộ dưới ánh trời Nam
sáng lạn, hội ngộ trên vùng đất Việt thắng bình này. Bấy nhiêu
đó cũng đủ rồi. Tôi chắc các Ngài cũng thấy như tôi, dân tộc ta
có cái hạnh phước được hấp thụ cả hai văn hóa Đông và Tây,
quê hương ta gặp cái trường hợp được làm chỗ hội ngộ cho
hai văn hóa ấy. Vậy chúng ta phải cố gắng, chúng ta phải lo
liệu, làm thế nào cho cả hai văn hóa đều được đầm ấm mà
nảy nở xinh tươi nơi đây, để chúng ta hưởng cái tinh hoa
thuần túy của cả Đông Tây, cái thì để làm đạo đức ở trong,
cái thì để làm giáp trụ ở ngoài, mà tấn hóa cho vững vàng
cho mạnh mẽ.

Hồi năm 1920, trong tuần tháng 9, cụ PAINLEVÉ, cựu Thủ-
tướng Pháp-quốc, mà cũng là một nhà Bác-học trứ danh, cụ
qua viếng xứ Đông-pháp, khi đến diễn-thuyết tại trường Cao-
đẳng Hà-nội, cụ có nói với sinh-viên ta mấy câu này : « Mặc
dù ngôn ngữ bất đồng, pháp-luật bất-dồng, phong tục bất đồng,
mặc dầu cơ tấn-hóa có khi không phù hiệp với việc ngẫu-nhiên
của lịch sử, nhưng mà mấy lượn sóng văn minh lớn-lao của
thế-giới thấy đều có hai chủ-nghĩa đồng nhau : là chánh lý về
địa hạt trí tuệ, và công nghĩa về địa hạt đạo đức ». Rồi kết luận,
cụ nói : « Ngày sau, khi tóc các em đã bạc hoa râm rồi, các
em hồi đầu nhìn lại phía sau, thì các em sẽ ngạc nhiên mà
thấy con đường tấn bộ dài mủ của các em đã lần lần trải qua
từ bước mỗi ngày, rồi các em sẽ tự hào mà chứng nhận rằng :
nhờ có hiệp nhứt với nước Pháp nên xứ Đông Pháp mới làm
tròn được bài nhiệm vụ tối cao của tương lai dành để, là :
bắc cầu thiêng liêng lý tưởng để kết liên hai mặt địa cầu,
để kết liên văn minh tối tân của Âu Tây với văn minh tối cổ
của Đông Á. »

Thưa các Ngài,

Nhờ cuộc Pháp-Việt Phục-hung của Chánh-phủ Quốc gia Cách mạng nên cái cần thiêng liêng lý tưởng của nhà chánh trị mà cũng là nhà Bác học PAINLEVÉ nói đó, đã kiến trúc hoàn thành rồi.

Vậy đứng trước hương án Khổng Thánh hôm nay, tôi kính căn mời các Ngài biệp cùng tôi mà khẩn vái chư Thánh chư Hiền chứng minh cho cuộc « Đông Tây hội ngộ » đã thiết hành, thiết hành giữa lúc nhơn loại tương tàn, thiết hành, tại non sông Nam Việt, thiết hành với hiệu hiệu « Cần lao, Gia đình, Tổ quốc » của tân Đại Pháp biệp nhưt cùng qui tắc « Tu, Tề, Trị » của cựu Á Đông.



NHO HỌC VỚI NHÂN ĐẠO.

Thưa quý ông, quý bà,

Thứ sáu vừa qua, tôi đã có lời cáo biệt với các ngài. Tôi tưởng rằng còn lâu mới có cơ tái hội.

Nhưng hết « Câu chuyện văn học », còn « Câu chuyện đạo lý ».

Hôm nay nhơn dịp lễ Thu Đình, quý ông trong ban tổ chức có bảo tôi tham dự. Không muốn phụ lòng hạ cố nên tôi phải thêm vào chút đỉnh đề cống hiến các bạn xa gần.

Lễ Thu Đình tức là ngày tế đức Khổng Tử, người đã gây nên đắp móng cho cái học đạo lý ở Đông Phương mà ta thường kêu là Nho Học.

Sự thật thì Nho Học đã có từ trước khi đức Khổng ra đời.

« Nho » có nghĩa là người thông lẽ trời, đất và người để dạy bảo người khác ăn ở cho phải đạo luân thường.

Trong chữ « Nho », có gồm chữ « Nhân » và chữ « Nhu ». Nhân là người: Nhu là cần dùng. Vậy thì nho gia chính là những hạng người cần phải có đức kiêu chánh nhơn tâm, để bảo tồn thể đạo, để khai hóa cho xã-hội nhơn quần.

551 năm trước Tây-lịch kỷ nguyên, Đức Khổng-Tử ra đời giữa thời đại Xuân Thu là một thời loạn lạc.

Ngôi Thiên-tử thuộc về nhà Châu, nhưng dưới chế độ phong kiến, các nước chư hầu luôn luôn dấy động can qua, gây nên những cảnh lầm than, đồ khổ và làm cho phong hóa suy đồi, luân thường đổ nát.

Sau khi đã trưởng thành và đã sở đắc nhiều về Nho học, Đức Khổng-Tử liền có ý muốn đem cái tài trí và dùng cái đạo

học của mình mà gây lại sự hòa bình cho thiên hạ.

Ngài nói : « Thiên hạ có đạo thì Khâu này không dự đến cuộc thay đổi làm gì ».

Ngài còn nói : « Nếu ai dùng ta thì trong một năm đã xong mà ba năm ắt thành ».

Ngài đi hết nước chư hầu này qua nước chư hầu khác, suốt đời lận đận bốn ba ngài vẫn không gặp người tri kỷ.

Tới năm Ngài 51 tuổi, vua nước Lỗ mới dùng Ngài và cho Ngài đủ quyền thế để sửa sang việc nước.

Ngài đã làm cho nước thịnh, dân an, và gây cho phong tục được thuần lương cao khiết.

Nhưng giữ quyền tước không lâu, Ngài bắt buộc phải bỏ Lỗ mà châu du nhiều nơi khác, cho tới rồi cuộc không thiết hành được cái mộng tước của mình.

Về già, ngài không cần ra làm quan nữa, ở nhà dạy học trò và san định lại các sách vở đời trước để xướng minh cái đạo lý của Nho gia.

Trước Ngài, ta không biết rõ nền cổ học Trung hoa có gì là đặc sắc.

Nhưng sau Ngài và nhờ Ngài, ta biết thêm được phong độ và tư tưởng của những bậc tiên thánh, tiên nho, mà Ngài đã lấy làm khuôn mẫu ?

Ngài tự hạ cho rằng hết thấy cái học của Ngài là sở đắc của người trước.

Nhưng sự thật thì Ngài đã chỉnh đốn lại, phát huy ra và tu bổ hoàn toàn nền Nho Học cho đến nỗi ta có thể cho rằng Nho Học là đồng nghĩa với Khổng Học, hoặc hơn nữa « Nho Giáo với Khổng Giáo chỉ là một mà thôi ».

Đạo học của Ngài siêu việt như không gian, minh mông như đại hải, tôi không đủ tư cách bàn hết ở đây.

Nhưng tôi tưởng rằng cái mục đích của Ngài chỉ là muốn làm cho người ta thành nên những người hoàn toàn xứng đáng để sống chung với nhau một cách đầm ấm hòa vui. Suốt đời Ngài hay nói tới 5 chữ : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín là những đức tánh cần thiết của một người quân tử theo cái lý tưởng của Ngài.

Những đức tánh đó nương dựa vào nhau, bổ khuyết cho nhau để gây dựng nên cái nhân phẩm, nhân cách cho chúng ta vậy.

Chúng nó là những cái vạn lý trường thành để giữ cho linh hồn của chúng ta khỏi sa ngã, khỏi truy lạc, khỏi chìm đắm trong nhơn dục tư lợi, nó là cái mầm học hỏi của muôn đời và thứ nhất là của Xuân Thu thời đại.

Có người Lỗi Ngại: Nhân là gì? Ngại nói: « Ai Nhân » nghĩa là yên người.

Lại có người Lỗi Ngại về chữ đồ. Ngại đáp: « Xuất môn như kiến đại tân, xử dân như thừa đại tể, kỹ sở bất dục vật thí ư nhơn ». Nghĩa là: « Ra cửa phải như đi tiếp khách lớn, trị dân phải như đi làm lễ tế lớn. Điều gì mình không muốn ai làm cho mình thì không nên làm cho ai ».

Vậy thì nhân là yêu người, mà hề yên người thì phải kính trọng người, biết lễ phép với người, coi người như mình và biết đối đãi cho công bằng và nhơn đạo.

Thi sĩ La-mã Térence có một câu danh ngôn để lại:

« Homo Sum : Humani nil a alienum puto » (Tôi là người, không có một cái gì của người mà tôi có thể bằng quan được).

Nhà thi sĩ đã đề mắt tới tình cảnh nhân loại, đã đề lòng rung động vì những nỗi khổ thống của loài người nên cảm thấy mỗi tình bác ái linh thiêng nó buộc mình vào với đồng loại.

Nhà thi sĩ đã diễn đạt được cái tâm hồn của nhân loại để an ủi nhơn sanh.

Nhà đạo học cũng nặng lòng bác ái nhưng còn cố công theo đuổi để cải-lương cái bản sắc của người đời cho họ có thể hiểu biết nhau một cách sáng suốt, thương yêu nhau một cách thành thật, để biến đổi cái hoàn cảnh ô trọc ở nhơn gian.

Từ đức Khổng-Tử sắp dẫn về sau bao nhiêu những hiền triết nổi dòng nho-gia đều là những bậc đạo đức cao siêu bằng ngày chăm lo bồi bổ luân-thường để bảo tồn thể đạo.

Manh-Tử nói: « Người quân tử sở dĩ khác người là vì lúc nào cũng đề tâm đến việc lễ. Đả là người có nhân thì yêu người, Đả là người có lễ thì kính người. Mà theo lễ thường, yêu người thì tất người yêu lại, kính người thì tất người kính lại.

Người quân tử ăn ở như vậy mà gián hoặc còn có kẻ đem thói ngang ngược đối đãi lại thì tất nhiên tự xét ngay mình lại, chắc mình còn bất nhân, chắc mình còn vô lễ.

Nếu người quân tử xét thật mình có nhân, thật mình có lễ mà người ta đối đãi với mình vẫn ngang ngược như trước thì tất tại mình nhân thật, lễ thật, nhưng chưa được hết lòng chăng? »

Cái nhơn đạo và cái lễ độ của Nho gia đã cho họ một tâm hồn hòa nhã và một cách sống ứng dụng.

Họ học lễ trước, học văn sau. Nhưng phải có văn vẻ thì mới biết giữ lễ hoàn toàn.

Bây giờ người Tàu phần nhiều mặc đồ cụt hoặc đồ tây. Nhưng trước kia, hề là con nhà học trò thì phải mặc cái áo dài phũ mắt cá, có hai ống tay rộng thùng thình.

Cái áo dài đó che kín cái thân hình phàm tục và dễ biểu lộ một thái độ phong lưu. Còn hai ống tay rộng, đó là để đút lọt hai bàn tay làm thành một vòng tròn khi cần phải thủ lễ, khi nói chuyện cho khỏi có những điệu bộ lỗ lã, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên, lúc nào cũng ung dung nhàn hạ, khiêm nhường.

Cái áo dài đó chẳng những chỉ người Hán tộc mặc mà thôi. Chính những người Mông cổ, Mãn châu, những dân tộc dã man đã chiến thắng và chinh phục Trung Nguyên rồi cuộc lại bị nhốt trong cái áo dài cổ lỗ đó.

Chẳng phải cái áo dài đó có pháp thuật kỳ ảo gì, nhưng hề không mặc tới nó thì không xứng đáng ở cái xã hội của nó, mà hề mặc tới nó thì phải biết thi, thơ, lễ nhạc hay ít nào cũng tỏ ra là mình không thô tục phàm phu.

Trung quốc bị ngoại xâm nhiều lần, nhưng không có lần nào là không đồng hóa được những kẻ đã đến xâm lược mình.

Được vậy là nhờ dân số đông đủ gây nên một cái sanh lực mãnh liệt phi thường. Nhưng cũng nhờ ở cái văn hóa cao siêu đã lấy nhân đạo làm căn bản. Cái văn-hóa đó đã truyền sang cho ta và các nước ở trời Đông.

Nhưng trên một thế kỷ nay, ngọn tây phong thổi lại đã đưa tới cùng với những chiến khí tới tận biết bao nhiêu là sản phẩm của khoa học.

Người Đông-phương mà trong đó có cả chúng ta nữa, hề thấy đều kinh ngạc trước cái tài trí của Tây phương.

Từ kinh ngạc tới căm phục rồi như muốn ly dị với những căn bản cổ hủ để bắt chước theo người.

Nhưng chính cái văn minh Tây phương cũng tiềm ẩn biết bao nhiêu mầm nhân đạo mà chúng ta không thể nhận chân được một cách dễ dàng.

Nho học trọng nhân nhân hơn trí nhân, nên phần đạo đức có lẫn phần trí thức.

Tây học tuy không bỏ phần luân-lý nhưng quá chú trọng tu bổ cái thông minh tài trí của con người.

Cái thông minh tài trí đó đã giúp cho nhân loại tấn hóa nhiều về phương diện vật chất. Nhưng chính nó cũng giúp cho

người ta biết thêm được cái bản sắc của mình để giáo dục cho nó được thuần lương cao khiết.

Từ sển cò học La Hi cho tới nền văn học Pháp đã chứa chất biết bao nhiêu là kho tàng quý báu về người, về đời, để cho ta có thể xem đó mà tự lĩnh, mà giác ngộ, mà cải lương cái tâm hồn của ta cho nó được hòa đồng với tâm hồn nhân-loại.

Văn hóa có thể dịch ra Pháp văn là culture hay là humanisme.

Humanisme có gốc nhân đạo.

Nho học cũng có gốc nhân đạo.

Sách Luận Ngữ nói : « Phu Tử ngồi ăn bên cạnh người có tang thì ăn không no. Ngày nào đã đi điếu về thì suốt ngày không đàn hát ».

Như thế rõ ràng là một người nhân hậu.

Một nhà văn-hào Pháp, ông Montesquieu đã nói : « Nếu tôi nghĩ được một cái gì có ích cho tôi mà có hại cho nhà tôi thì tôi sẽ bỏ nó ra ngoài trí nghĩ. Nếu tôi biết một cái gì có ích cho nhà tôi mà không có ích cho nước thì tôi sẽ rán quên đi. Nếu tôi biết một cái gì có ích cho nước tôi mà có hại cho Âu-Châu và loài người thì tôi coi nó là một tội ác ».

Đó cũng là một bậc nhân nhân.

Đúng như lời cụ Hồ-văn-Trung mới nói : « Đông Tây có thể gặp gỡ được. Nhưng phải gặp nhau ở chỗ cao nguyên với những linh hồn cao thượng. »

THIỆU-SƠN



Đến tuổi của ta đây, nếu người ta đã hiến thân cho nước rồi, thì chẳng có cái hy-sinh nào mà người ta tính từ chối. Chẳng còn cái nghĩa vụ nào khác hơn ở nghĩa vụ cứu-quốc. »

Thượng tướng FÉTAİN

NAM TRIỀU NGOẠI THỊCH

Người Nam-Kỳ được thấy tại giếng Sơn-Quí, thuộc làng Tân-niên-đông, tỉnh Gò Công, có đền thờ Phạm-tộc, và gần núi Chân Thới, tại ranh Gia định và Biên-hòa, có đền thờ Hồ tộc. Hai đền thờ ấy đều có tự điền. Có lẽ nhiều người không rõ gốc tích hai quý tộc này. Vậy chúng tôi trích lục trong « Đại Nam chính biên liệt truyện » mà chép tiểu sử của cụ Phạm đăng Hưng và cụ Hồ văn-Bôi (1) ra đây để phổ thông danh nôm quá cổ trong xứ làm việc ấy tưởng không phải là việc vô ích cho văn-học

PHẠM - ĐĂNG - HƯNG

Cụ Phạm-đăng-Hưng tự Hiệt-Cử, là người huyện Tân-Hòa, thuộc Gia-định.

Cao-tổ cụ, tên Đăng-Khoa, có danh bác học hồi đời nhà Lê, nhưng thấy chúa Trịnh lộng quyền, không chịu phò Trịnh, mới theo Thái-Tổ Gia-Dũ Hoàng-Đế vào Thuận-hóa khai cơ lập nghiệp, ban đầu ở Võ-xương, sau dời về Hương-trà.

Tằng-tổ cụ, tên Đăng-Thiên, nhờ văn-học được bổ làm Tư-Nghĩa Huấn-Báo, nên dời nhà về Bình-sơn.

Ông nội cụ, tên Đăng-Xương, dời về Gia-định, ở huyện Tân-hòa (nay là Gò Công).

Thân phụ cụ, tên Đăng-Long, nổi danh văn-học, song ở ẩn mà dạy học, được Học giả kính tặng hiệu « Kiến-hòa Tiên sanh ».

Cụ Phạm-đăng-Hưng lúc nhỏ đã thông minh mẫn đạt, chững chạc lên lại có chí ham học. Gặp lúc trong nước loạn ly, cụ muốn lập công nghiệp với đời, nên cụ chuyên học tập về quốc gia thể yếu, lễ nhạc chức chương, lại học luôn binh thư trận pháp cụ thông cả các môn.

Lúc chúa Nguyễn Ánh ở Gia-định đương lo cuộc Trưng-hung, cụ ứng thí khoa Bình thên (1796) đậu tam trường (lũ

(1) Có người nói cụ Hồ đây tên Vui, nhưng theo tên hẩu trong sử thì phải đọc Bôi, vì phải có chữ « Tâm Bôi » kèm một hẩu thì mới đọc Vui được

tại) được bổ vào Phủ lễ-Sanb, sung Cống sĩ viện. Sau cụ từng quản ra đánh Phú yên.

Chẳng trở về Giadinh gặp lúc Miến-diên dấy binh đánh Xiêm-La. Xiêm cầu viện với chúa Nguyễn. Cụ Phạm theo đại đội xuất dương cứu Xiêm, do Nguyễn-văn-Trương và Nguyễn-huỳnh-Đức cầm binh. Người Xiêm nghe có viện binh thì lui. Đại binh ta tới Côn-nôn rồi trở về.

Năm kỷ-vị (1799) cụ Phạm thăng chức *Lại-bộ Tham-tri*. Từ ấy cụ thường theo vua chinh phạt. Ở dưới trướng làm Tham-mưu.

Năm Gia-Long thứ 4 (1805) cụ mới lãnh cầm lều giữ lái trong nước. Lúc ấy nước mới vừa an, mọi việc đều phải sắp đặt lại. Vua thường bàn luận đạo trị dân với cụ. Vua hỏi: « Nghiêu Thuấn vô vi mà nước trị, ý nói sao vậy ? » Cụ giải nghĩa rồi dâng sách cho vua xem.

Năm Gia-Long thứ 6 (1807), cụ được lệnh đi xem xét hương hương-thị Kinh-bắc (nay là Bắc-ninh).

Năm Gia-Long thứ 12 (1813) cụ thăng *Lê-bộ Thượng Thờ*.

Năm Gia-Long thứ 15 (1816) cụ dâng sớ xin lập kho trữ lúa kêu là « xã thương » để phòng khi mất mùa chẩn cấp cho dân. Vua khen ý hay, nhưng nghĩ khó kiếm người giữ kho cho ngay thẳng, nên sợ làm hại dân, rồi bỏ qua việc ấy. Mùa đông năm ấy cụ lãnh coi luôn Khâm-thiên-giám.

Năm Gia-Long thứ 18 (1819) mùa đông, vua Thế-Tổ bệnh nặng, dạy cụ thảo di chiếu và giao cho cụ với cụ Lê-văn-Duyệt đồng lãnh cổ mạng.

Năm Minh-Mạng nguyên niên (1820) vua ban nghị về nghị lễ kỳ-thời trong các miếu. Cụ dâng biểu tâu rõ việc ấy cho vua hiểu.

Năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) cụ sung chức *Phó Tổng tài Quốc-sử quán*.

Năm Minh-Mạng thứ 3 (1822) Bộ Lễ mạo tặc chức tước cho cha mẹ của quan viên. Việc ấy phát giác, triều đình nghị án. Cụ Phạm phải giải chức để hầu tra. Kế cụ được lệnh vào Quảng-Nam xem xét việc phát lương cho quân lính. Xét rồi lấy lễ công mà tâu, xin chém kẻ gian để răn chúng.

Năm Minh-Mạng thứ 4 (1823), triều đình nghị án bộ Lễ xong, định giáng cụ 4 cấp. Nhưng vua nghĩ cụ có công xét bình lương công bình, phạt gian khư tể, nên cải giảm 2 cấp, bổ cụ « Hàn lâm viện chương viện học-sĩ » sau thăng lên *Lại bộ Tả*.

Tham-TRI, kiêm quản Hàn lâm viện, và sung Quốc sử quán Phó Tổng tài như cũ, lại coi luôn Lại bộ ấn vụ và khâm tu ngọc phổ.

Năm Minh-Mạng thứ 5 (1824), cụ được phục chức Lễ bộ Thượng-Thư.

Năm Minh-Mạng thứ 6 (1825) vua tuần thú Quảng-Nam, lưu cụ lại giữ Kinh-thành. Vả cụ là vị đại thần niên lão, lại trung thành văn nhã, nên vua rất tin dùng. Năm ấy, mùa hạ, cụ mất, thọ được 61 tuổi. Khi vua hay cụ bệnh, có cho Thái y đến xem mạch. Đến ngày cụ mất vua rất thương tiếc, ban gấm lụa bạc tiền, sai quan tri tang và tặng tước « Vinh-Lộc Đại-phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ ».

Năm Tự-Đức thứ 2 (1848), vua gia tặng cụ « Đặc-tấn Vinh-Lộc Đại-phu, Thái-bảo, Cần chánh-điện, Đại học sĩ », lại phong tước Đức quốc công. Chánh-thất của cụ là Phạm-văn-Thị được phong Nhứt-phẩm Đức-quốc Phu-nhơn. Vua lập từ tại kinh sư mà thờ lại truy phong 4 đời trước, tặng :

Cao-tổ cụ : Trung-Thuận Đại-phu.

Tằng-tổ cụ : Hàn-lâm-Viện Thị độc học sĩ, Mỹ-khánh-tử

Ông nội cụ : Gia nghị Đại phu, Hàn lâm Viện Chương-viện học sĩ, Bình thanh Bá.

Thân phụ cụ : Tư Thiện Đại phu, Lại bộ Thượng thư, Phước-an Hầu.

Vua lại cho thờ riêng nơi tích thiện từ.

Năm Tự Đức thứ 5 (1851) vua lại cho thờ cụ trong miếu Trung hưng Công thần như Trịnh hoài Đức, Lê quang Định.

Năm Tự Đức thứ 11 (1857) vua lại cho thờ cụ trong Hiền-lương-Từ.

Cụ Phạm có 4 người con :

1. Đăng Tuấn, tằng Lễ bộ Lang trung.

2. Đăng Tá, tằng Lễ bộ Viên ngoại lang,

3. Đăng Thiệu, ẩm thọ chức Cai Đội.

4. Đăng-Thuật làm quan đến chức Lễ bộ Lang-trung, vì vua chọn đưa Công chúa nên phải cải thọ Phò mã Đô úy. Chứng mất được tặng Lễ bộ Thị Lang.

Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu nghe cụ Phạm đăng Hưng có một ái nữ rất hiền đức, bèn triệu nhập cung để hầu Đông Cung nơi thêm dè. Ấy là đức Quý Phi của vua Thiệu Trị, qua đời vua Tự Đức sách phong Từ Dũ Hoàng Thái Hậu và sau lại được phong Hiến Tổ Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu. Sau sẽ đăng tiền sử riêng.

Năm Minh Mạng thứ 6 (1825) lúc cụ Phạm Đăng Hưng mới bình, cụ có dựng sở mà tâu rằng vưng lĩnh đức Thế tổ Cao-Hoàng-để cụ gia công lo tu bộ sử « Thiệt lục ». Việc sưu tầm rất khó, bốn thảo lược biên có nhiều chỗ còn sơ sót, cần phải xem xét lại cho kỹ. Những bốn thảo ấy còn cất tại bộ Lại. Cụ đã xem được ước một trăm tập rồi, tưởng trong số ấy có tập đã hoàn bị. Tuy nay cụ có bệnh, song cụ không quên việc làm sử nên xin vua dạy bộ Lại giao những tập ấy cho quốc sử quán biên chép lại.

Chứng cụ mất rồi sử quán lãnh về, song không biết ai giấu mất. Đến khi vua dạy tu thơ nữa, thì tìm không ra.

Qua năm Tự-Đức thứ 2 (1848) mới kiếm được những di-thảo ấy, hết thấy hơn 130 tập, bèn soạn lại thành biên. Lấy việc này mà suy thì thấy rõ cụ Phạm bình sanh đấu-dấu với chức vụ và với văn học cho đến ngày cuối cùng.

..

HỒ-VĂN-BÔI

Cụ Hồ-văn-Bôi là người Bình-An, thuộc Biên-Hòa.

Lúc mới đầu quân, cụ làm Đội-trưởng, hai phen phò chúa Nguyễn-Ánh qua Vọng-Các (Bangkok) lánh nạn.

Năm Đinh-vị (1787), mùa Thu, cụ theo vua trở về Gia-dinh. Bình đến Ba-Lai gặp tướng Tây-Sơn là Ngự-ủy Nguyễn văn-Đồn giảng binh ngăn cản. Cụ Hồ cùng với Nguyễn văn-Trị, Trương-phước-Giáo, Nguyễn-văn-Tồn theo Lê-văn-Quân mà công giặc. May cụ biết được khẩu hiệu của giặc, nên ban đêm cụ xâm nhập vào đồn mà đốt trại, làm cho binh giặc vỡ tan.

Cụ được đổi làm chức « Thuộc-nội Cai-đội », lãnh coi cả 5 đội túc trực. Từ ấy cụ cứ theo ngự-đạo mà chinh - chiến, lập công rất nhiều.

Gia-Long nguyên-niên (1802) cụ thăng chức Thị-trung tá-nhứt Vệ-ủy. Qua mùa đông lại được đổi làm Khâm-sai thuộc-nội Chưởng-cơ, nhưng cũng lãnh coi Tả-nhứt-vệ như cũ.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804) vua đại giá Bắc-luân, ban áo mào cho cụ. Chứng trở về cụ cáo lão xin hồi hưu, kể cụ mất.

Năm Gia-Long thứ 5 (1806), vua với Hoàng hậu chọn con gái của công thần để hầu Đông cung nơi Tiềm-đệ. Con gái cụ Hồ văn Bôi tánh nét thanh hòa, nên được chọn vào cung. Ấy là « Thánh Tồ Tả Thiên Nhân Hoàng hậu » về đời vua Minh-Mạng. Sau sẽ đăng tiểu sử riêng.

Vua Minh Mạng lên ngôi liền cấp tiền lúa cho các con
cụ Hồ.

Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), vua truy tặng cụ Hồ «Nghiêm
Oai Tướng quân, Thương hộ quân Thống chế.»

Thiệu-Trị ngưng - niên (1841), vua gia tặng cụ « Đặc lãn
Trang võ Tướng quân, Tả quân Đô thống phủ, Đô thống chương
phủ sự, Thái Bảo » và phong tước Phước-quốc-công. Chánh thất
cụ là Huỳnh thị, cũng được phong « Nhứt phẩm Phước quốc
phu nhân ». Vua lại lập từ tại Vạn xuân mà thờ, rồi truy phong
Hồ-thị đến 4 đời trước, lập từ mà thờ riêng kêu là « Hồ tộc từ ».

Năm Tự-Đức thứ 5 (1851), cải lại là « Dũ trạch từ ».

Cụ Hồ có hai người con trai, tên Lưu và tên Thập. Lưu ăn
Ky-úy, làm quan đến chức « Tiền phong dinh đô Thống-chế. »
Con Thập làm Vệ-úy sung nhứt đẳng Tai-vệ. Chừng có sắc không
cho ngoại thích dụng sự, thì Lưu lãnh hàm Thống chế và Thập
lãnh hàm Chương-vệ.

BIỂU-CHÁNH

TÌNH TRI-KỶ

(Tiếp theo)

Người đàn ông có thể là bạn tin cậy và người tương
đạo chắc chắn, sáng suốt.

Người đàn bà có thể là bạn hữu ích. Có khi người đàn
bà coi rẻ chữ tình, nhưng lắm lúc họ cũng hết lòng quảng đại
và tận tâm cứu giúp bạn chung tình.

Ta nên luôn luôn nhớ rằng không có sự gì lay chuyển
nội tình của ta đối cùng bạn tri kỷ. Nói bành, phỉ báng, tất
cả các sự nhơ nhớp dè hèn của lòng ganh ghét, dầu cho mạnh
thế nào, cũng không làm rung động lòng tin cậy sắt đá của ta
đối cùng bạn.

Nếu bạn ta lầm đường, ta không nên phán xét người ra
mặt phải đưa tay ra dìu dắt người, phải dùng những kinh nghiệm
ở đời của ta mà chỉ bảo một cách khôn khéo, dè dặt cho người
tránh nẻo vạy đường tà.

Đầu óc tự do và máu nóng của tuổi trẻ có khi xui bạn
ta trở nên cộc cằn, không công bình. Những lúc đó, ta chẳng

xa người mà cũng không gần người, ta phải hành động thế nào cho người không thấy mặt ta, nhưng biết rằng có ta để ý chăm nom đến cách xử sự của người luôn. Tự khắc là người, sửa mình.

Đó là một đặc sắc của tình tri kỷ : không gần nhau cũng tin chắc dạ trung thành của nhau. Đó cũng là một cách để cho bạn ta không chán những công ơn của ta, vì con người mau chán tất cả mọi sự, dầu là hạnh phúc.

Nếu chẳng may một người bạn của ta từ trần, ta nên yên tĩnh chịu tang trong tâm, ta nên do sự huyền bí của tư tưởng mà nhớ lại bạn xưa. Tiếng than rên rĩ, giọt lệ tràn trề có giải sầu cho ta được đâu !

Ai ôi ! hãy vui vẻ, an lòng mà hưởng những lạc thú của tình tri kỷ.

Tâm hồn bạn ta trong sạch như nước suối trên nguồn, sáng lạng như vầng Thái dương buổi sớm, tim người thơm đẹp như hoa quí mùa xuân, miệng người thốt ra toàn lời khôn lẽ khéo, hai tay người chỉ biết làm chuyện phải, cùng một bạn tri kỷ như vậy, ta trèo non-vượt biển, tung mây lướt gió, còn ghê sợ gì những nỗi khắc khe, nguy hiểm.

Nếu đêm trường ta thao thức, nếu ngày dài ta buồn bã, nếu những ác mộng làm cho ta hao mòn binh vóc, nếu cơn tỉnh giấc ta tức tưởi bàng hoàng, ta đừng để ý đến vì tâm hồn ta đã nhập cùng tâm hồn bạn, vì tim ta đã tràn trề hình ảnh, dấu tích của bạn.

Người đó là bạn của ta ? Người đã biết rõ những điều thầm khốc của đời, người đã thấu đáo như tình ấm lạnh, người đã biết rằng sự quá đau khổ thường làm cho con người trở nên bất công, người hiểu rõ sự bí mật của cái buồn vô cơ của ta, không khi nào người bảo ta đừng buồn, vì đó là điên cuồng, mà người lại nhớ nhẹ cùng ta rằng : « Bạn hãy than, khóc, đau, khổ, nhưng bạn nên chia sẻ cho tôi những lời than, tiếng khóc, điều đau khổ kia ».

Giương mặt hiền hậu, vui vẻ của bạn, lời nói châu ngọc của bạn, có đủ mãnh lực làm cho ta quên trong đôi phút các điều như nhóp xấu xa của vạn vật ; vậy ta hãy tập tìm ta cùng đập một nhịp với tim người.

Cánh tay cứng rắn của bạn ta đưa ra khi ta gặp bước đường ngằn ngại, đủ phần khởi lòng ta, thêm nghị lực cho ta đập đổ mọi sự cam đo.

Tên tuổi của bạn, bay khỏi miệng ta phải là một ngọn lửa của tình thương.

Ở đời, đối với mọi việc, hạn ta sẽ bảo ta lấy lòng quảng đại mà phân xét. Ta khá đóng ba từng cửa sắt, giữ chặt tồn lâu dài đầy đầy sự kính yêu, đừng để cho gió nồm mưa chướng giọt tắc ngọn lửa hồng của tim ta, trước cảnh hoa đẹp của tình ta.

Ngày giờ ta trông đợi bạn ta kêu gọi, là những ngày giờ ta sống trong một không khí ấm áp nồng nàn, bằng hoàng hăng hái.

Lòng thương người và lòng quảng đại sẽ cho ta được gọi nhuần lắm điều hạnh phúc dành riêng cho hạng người biết cùng thống khổ với nhơn loại, biết sang sớt nỗi lòng với bạn đồng tâm.

Đối với một bạn tri kỷ thuộc phái đẹp, ta nên cẩn thận gìn giữ con tim ta, đừng hờ hững để nó vương phải lưới ái tình là một thế giới mơ màng mộng ảo, mà một khi đã thoát ra khỏi rồi chỉ còn lưu lại cho ta đôi giọt lệ sầu, vài hồi chán nản.

Nếu trong một người bạn mà ta có thể ký thác vừa tình tri kỷ thuần túy, vừa duyên cầm sắt đậm đà, thì ta nên biết bảo tồn và tận hưởng cái hạnh phúc độc nhất đó. Khá quý trọng tình thân đừng ham mê xác thịt.

Kẻ nào biết rõ sự thiêng liêng của tình tri kỷ, sẽ hiểu rằng : thân về nữ không thể nào chiến thắng họ được. vì trong cái vui về vật dục không bao giờ tìm được sự thỏa thích cho tinh thần.

Vậy ta nên luyện tâm ta đừng để nó xao động vì những hình ảnh xa-hoa, lời nói câu văn dâm dặt ; ta nên nuôi tình thần ta bằng những tư-tưởng trong sạch, cao siêu ; ta nên trọng sự phải, điều lành, ta phải tận tâm tìm một bạn tri kỷ.

Được vậy, ngọn đèn đã tỏ, ngàn trùng ta an tâm vượt biển rêu non.

PHONG-VU

(Viết theo quyển « Le petit reliquaire de l'Amitié » của F. de Joannis).

MỘT CÁI MỘNG CỦA MUÔN ĐỜI :

SỰ CHÈ RA VÀNG

của PHAN-VĂN-TIÊN

NHIỀU người khó tránh phiêu trách sự tham vàng vô độ của người đời nay. Họ quên rằng, vào thời ông Moïse, dân Do-thái đã có cái tục lệ thờ thần Bò Vàng, một con bò bằng vàng thật.

Ngay từ lúc loài người bắt đầu khai thác lấy các loại kim dưới đất lên, họ đã biết phân biệt giá trị của mỗi thứ. Họ đã đặt vàng lên trên tất cả. Vì giá cao, vì ánh ngời lấp lánh mà cũng vì tin tưởng ở sự nhiệm mầu của loại kim quý báu ấy nữa. Những giống dân đời Thượng-cổ cũng như các bọn mọi bây giờ, đều cho rằng vàng có nhiều đức tính đặc dụng trong y học. Đó là một thứ thuốc thần chữa lành các bệnh, có thể làm người ta trở nên gan dạ, vui tươi, và vững lòng tin cậy ở tương-lai.

Bởi thế loài người chẳng những tìm lấy dưới đất mà lại còn luôn luôn ôm ấp trong tâm cái mộng của muôn đời : chế ra vàng.

Vào thời văn minh Ai-cập thịnh hành — 2.000 năm trước Thiên-chúa — nhà triết-học Hermès đã nghĩ đến sự ấy rồi.

Nhưng mãi đến thế kỷ thứ hai và thứ ba sau Thiên-chúa, sự tìm tòi mới bắt đầu ráo riết.

Dựa vào cái nguyên tắc rằng trong mỗi chất đều có nhiều chất khác nhập lại hợp thành, các ông thông thái ở thời ấy cho rằng muốn đổi các loại kim thành vàng, chỉ phải mất công lấy những chất vàng đã có trong các loại kim rồi nấu lại, cũng như để cất một ngôi nhà mới, ta chỉ mất công phá những ngôi nhà cũ để lấy gạch ra.

Nhiều kẻ tưởng đã đi tới đích cho nên năm nầy qua năm nọ, trong những lò không lồ đồ rục, họ nấu những loại kim và các vật liệu. Sự ấy cũng không lạ gì, nếu ta nhớ rằng chính Bernard de Palissy cũng đã làm những chuyện nông nổi như thế trước khi tìm được chất men sứ (émaill).

Người ngoại cuộc lấy làm hứng thú trông coi những sự rần sức kia. Nhiều kẻ nhiệt tâm bị tán gia bại sản, vì đã trót đem của cải vừa giúp. Kẻ khác thật thà hơn lại xuất tiền mua... sự bí quyết để chế ra vàng. Họ quên rằng, nếu quả tìm được điều bí mật ấy thì ai lại đại gì bán, đầu với một giá rất cao.

Song những sự lường gạt ấy có thấm vào đâu nếu ta nghĩ rằng có kẻ đã không góm tay trước án mạng. Họ giết các cô gái trinh lấy máu đổ vào lò, hi vọng làm như thế họ sẽ đạt được mục đích. Bằng chứng là cái án tử hình của Thống chế Gillie de Retz mà những tội ác đã khiến Perrault viết thiên chuyện ngắn anh chàng Râu-Xanh.

Song chúng ta chớ vội ném đá nguyên rửa họ. Trong bọn người đeo đuổi theo cái mộng sáng chế ra vàng, không phải chỉ có rong những bọn lường gạt sát nhân. Cũng có nhiều người làm việc chân chính và đã tạo nên những công trình có giá trị.

Công-trình đầu tiên là sự tìm được Hòa-học ngày nay. Họ đã không chế được vàng, nhưng họ đã tìm được nhiều chất mới, như chất phosphore chẳng hạn mà ánh ngời đã làm họ lầm tưởng là vàng.

Y-học cũng được giàu thêm nhiều kinh - nghiệm trong việc chữa bệnh bằng những chất kim-khí.

Sau cùng, ta cũng không sợ quá lời khi nói rằng hàng người ấy, sau bao nhiêu thế hệ, nuôi cái mộng chế ra vàng, đã giúp vào công cuộc tìm Hòa học rất đặc lực và đã làm nảy nở chí phiêu lưu trong lòng các bậc đã vượt biển tìm của quý và xứ lạ.

Người ta tưởng rằng, đời nay, trong cái thế kỷ khoa-học mà hầu hết mọi việc đều giải rõ, cái mộng ấy đã tiêu tan, không còn ai đeo đuổi nữa.

Một sự lầm, Sau Miethe, nhà hóa học Nhật là Nagaoka tin mình đã tìm được cách đổi mercure ra vàng. Sự thật, đó chỉ là một cách phân tách những chất vàng mấy mún đã có sẵn trong mercure.

Người ta cũng còn nhớ những cuộc thí nghiệm vô phước của viên kỹ sư Ba-lan Danikowsky trong kỹ nghệ chế ra vàng. Anh ta đã trả bài học kinh nghiệm ấy bằng một giá rất đắt vì can án lường gạt những nhà lý tài đã bao vốn, anh không thể tự bào chữa và đã bị tù.

Hiện giờ, dầu sau bao nhiêu sự thất bại, cũng còn những nhà thông thái dễ chóa mắt vì cái « mộng vàng » ác nghiệt kia.

Nhưng đừng vội mai mỉa họ. Với khoa học, với máy móc tinh xảo ngày nay, sự gì lại không thể mong ước được ?

Biết đâu một ngày kia...

Vả lại trong nước biển cũng có vàng. Bên Anh, người ta đã thử phân chất. Một tấn nước biển đựng độ 50 ly vàng. Ít thật. Nhưng một nhà hóa học đã tính, nếu đem phân chất hết nước biển trong các đại dương thì nhân loại sẽ được tất cả là 69 ức tấn vàng (69 milliards de tonnes).

Nếu chia cho 1500 triệu dân trên mặt đất, mỗi người chúng ta sẽ được 46 tấn vàng.

46 tấn vàng ! Biết làm gì cho hết ?

Và trong khi đợi chờ cái ngày may mắn hay không may mắn ấy, ta có thể đoán trước rằng vàng sẽ từ ngôi chùa tề của loại kim rơi xuống đồng giá với sắt với chì. Nếu thế thì, chừng ấy, deo vàng lại... mất công, mất cả mỹ thuật.

Cho nên, điều đáng kể, đối với các bậc trí thức, chẳng phải cái kết quả được hay không trong công cuộc tìm vàng, mà là sự cố gắng không bao giờ ngừng của trí giác con người luôn luôn khai thác những chỗ hiểm hóc hoang vu của Tạo vật để khám phá những sự bí mật gay go.

Mộng chế ra vàng ! Đó có thể chỉ là sự mơ ước hão của cái nhơn loại nõ nhen yếu ớt, nhưng chính những mơ ước ấy, những sự tìm tòi, cố rân ấy, đã tôn giá trị và làm hạp lẽ sống của con người.



ĐẾ - HỆ VÀ PHIÊN - HỆ

Đế-Hệ là dòng dõi của Vua; Phiên-Hệ là dòng dõi của các ông Hoàng. Bởi các ông Hoàng được phong tước như chư Hầu, ngày xưa, làm phen giầu cho nhà Vua, nên gọi là « Phiên ».

Đế-Hệ thì khắc vào Kim-sách. (Vàng cán mỏng như tờ giấy bạch làm khoen đóng thành cuốn sách, mà khắc những chữ đặt tên vào đó). Phiên-Hệ thì khắc vào ngân sách, (bạc, cán mỏng như tờ giấy bạch, làm khoen đóng thành cuốn sách mà khắc những chữ đặt tên vào đó). Kim sách và ngân sách, trừ các vị Hoàng thân Vương công, và các quan Đình thần ra, thì không còn ai được xem thấy và hiểu biết những chữ gì ở trong đó. Gần đây phong hội một ngày một đổi mới, chánh thể một ngày một mở rộng, nên các bộ sách rất quý báu như : « Đại Nam thiết lục », « Đại Nam liệt truyện », « Minh Mạng chánh yếu » và « Cổ Thuận-Hóa » (Vieux Hué) ra đời. Các nhà khảo cứu mới được xem thấy và hiểu rõ tường tận. Nhưng đó lại về phần những người giỏi chữ Pháp hoặc chữ Hán mới đọc được hiểu được. Còn ngoài ra những người không giỏi hai thứ chữ ấy có xem đến, cũng không hiểu là nói gì. Nên nay, tôi kính cần biên dịch, đăng vào báo chí cho các bạn đọc xem, xin các bạn nên tôn trọng kính cần, chớ coi là thường, thì kẻ biên dịch bài này lấy làm vạn hạnh.

○

Hoàng Triều Minh Mạng năm thứ tư (1823) đức Thánh-Tổ có ngự chế cuốn kim sách thuộc về Đế-Hệ và cuốn ngân sách thuộc về Phiên - Hệ. Bởi ngài xét vì các Hoàng thân chi phái một ngày một nhiều, tên đặt nhiều khi trùng lẫn với nhau, nên ngài thân chế ra bài « tựa » trải bày từ dòng dõi của Liệt thánh cho đến đời đức Thế Tổ Cao Hoàng đế (vua Gia-Long) soạn định ra 20 chữ về bộ chữ « Nhựt » và lại đặt ra 20 chữ « Mỹ tự » để đặt tên cho Đế Hệ và Phiên Hệ, rồi khắc vào trong cuốn sách làm bằng vàng và bằng bạc. Ngài làm bài « tựa » đại ý nói rằng :

« Nhà nước ta gây dựng từ làng Gia Miêu ngoại trang, « huyện Tống Sơn, phủ Hà trung, xứ Thanh Hóa, họ « Nguyễn-« Thị ». Ban đầu đời trước đã là một họ lớn, rồi sau đời đời

« Trăm anh, không những hơn vài trăm năm, chưa nhiều hơn
« đức, cho đến ngày nay. Thật đáng sánh với nhà Chấn ở bên
« Tàu hồi trước. Bởi thế, lòng Trời thương mến, đấng sanh
« ra đức Triệu Tồn Tĩnh Hoàng đế ta (đức Nguyễn Kim) dựng
« nên cơ đồ lớn, kẻ sanh ra đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng đế ta
« (đức Nguyễn Hoàng) dựng nghiệp ở cõi Nam, mới dùng chữ
« « Phước » kể theo chữ « Nguyễn » mà xưng Quốc Tánh là họ
« « Nguyễn Phước ».

« Liệt thánh lấy nghiệp thánh nối nhau cho đến đức Hoàng
« Khảo Thế Tổ Cao Hoàng đế ta (vua Gia Long) bình định mọi
« họa loạn, gồm có cả nước Việt Nam. Sắc định làm cuốn « Ngọc
« Phổ » (tức là cuốn gia phả) kể từ con cháu của đức Thái Tổ
« vào Nam và dòng dõi của Liệt thánh làm họ « Tôn thất Nguyễn
« Phước ». Con cháu của đức Thái Tổ ở bắc và chi phái của
« đời trước đều làm họ « Công tánh Nguyễn hự ». Và lại
« những tên « Miếu Huý » của Liệt thánh thường đặt theo chữ
« bộ « Thủy » (nước) với « Ngự danh » của đức Thế Tôn Hiếu
« Võ Hoàng đế ta và những tên của họ Tôn thất cũng có xen
« chữ bộ « Nhựt », truyền đến đời đức Hoàng Khảo ta thì
« chuyên dùng chữ bộ « Nhựt », gần trăm năm trở lại đây,
« Tôn thất càng ngày càng nhiều nhồi, đến đời đặt tên thường
« trùng lẫn với nhau. Hồi đức Hoàng Khảo ta còn ở ngôi, ý
« muốn sửa định những chữ đặt tên, truyền lại cho con cháu,
« để dùng lâu dài về sau, nhưng tiếc việc làm chưa được toại,
« cho nên nay, Trẫm nhớ noi dấu tốt của người trước, để nên
« cái chí của đức Hoàng-khảo ta. Trẫm soạn ra 20 chữ có bộ
« « Nhựt » để dành cho các con cháu kể thống, đến ngày lên
« ngôi, mới được dùng lấy một chữ mà đặt tên Huý. Bởi dùng
« chữ « Nhựt » (Mặt trời) là nghĩa giống vua, mà lấy chữ đặt
« tên hồi nhỏ làm tên « Tự ».

« Còn dư các con cháu Trẫm với những con cháu của các
« anh em Trẫm, thì lại soạn riêng ra những chữ tốt « Mỹ-tự »
« chia làm Đệ-Hệ với Phiên-Hệ như là : anh của trẫm là đức
« Anh-Duyệt thái tử và những em của trẫm là : ngài Kiên-An,
« ngài Định-Viễn, ngài Diên-Khánh, ngài Điện-Bàn, ngài Thiệu-
« Hòa, ngài Quảng Oai, ngài Thường Tín, ngài An Khánh, ngài
« Từ Sơn, gồm là 10 Hệ. Khi mới sanh ra xin đặt tên, về tên
« của Hoàng tử, một chữ ở trên, thì lấy theo chữ thứ tự ở
« trong bài thơ thuộc về Đệ Hệ. Một chữ ở dưới thì lấy theo bộ
« chữ về đời thứ mấy. Còn tên của các Công tử (con ông

« Hoàng), một chữ ở trên, thì lấy theo chữ thứ tự ở trong
 « bài thơ thuộc về hệ của ông Hoàng nào, một chữ ở dưới,
 « thì dùng theo bộ chữ trong « Ngũ hành tương sinh », khởi sự
 « dùng chữ bộ « Thổ » (đất) làm đầu. Như :

« Thuộc về Đế-Hệ :

« Con của Trầm là : Miêng-Tông, (tên húy của Đức Thiệu-
 Trị khi còn làm Hoàng-tử), Miên-Định (tên húy của đức ông Thọ-
 Xuân vương).

« Thuộc về Phên-Hệ :

« Con của đức Anh Duệ, là Mỹ-Đương, Mỹ-Thùy.

« Con của ngài Kiên-An là : Lương-Kỳ, Lương-Viên.

« Con của ngài Định-Viên, là Tịnh Cơ, Tịnh Cầm.

« Con của ngài Diên Khánh, là Diên Vực, Diên Đề.

« Con của ngài Diên Bàn, là Tín Kiên, Tín Phác.

« Con của ngài Thiệu Hóa, là Thiệu Khuê, Thiệu Chỉ.

« Con của ngài Quảng Oai, là Phụng Tại, Phụng Vui.

« Con của ngài Thường Tín, là Thường Khâm, Thường
 « Dung.

« Con của ngài An-Khánh, là : Khâm-Thanh, Khâm-Bích.

« Con của ngài Từ-Sơn, là : Từ-Đàn, Từ-Cương.

Như thế thì, Thế-thứ rành rẽ mà không rối loạn, thân sơ
 chia khác mà được rõ ràng. Cái đạo kính năm bậc, hòa chín họ
 từ đây dấy lên. Cái phái số Ngọc-diệp, song Thiên-Hoàng từ đây
 rõ rệt. Con cháu của ta nên noi giữ phép lành, khiến cho trăm
 đời cảnh gốc, truyền được ức muôn năm, để ngưỡng đáp tấm
 lòng thương đoái của Trời và ông bà đã ban cho thì mới được.

Rồi khiến quan Hữu-tư đúc làm Kim sách và Ngân sách,
 đến khi làm đã xong, đem việc ấy kính cáo với Giao, Miếu, và
 tuyên báo cho các tôi đều biết, đoạn đem cất ở trong cái tủ
 thếp vàng.

BỘ CHỮ « NHẬT » 20 CHỮ :

TUYỀN	THÌ	THĂNG	HIỆU	MINH
Tả Nhật, Hữu	Tả Nhật Hữu	Thượng Nhật	Thượng Nhật	Tả Nhật Hữu
Tuyên : (Sáng	Tự (giờ, buổi	Hạ Thăng	Hạ Thiên (lớn	Nguyệt (sáng)
tốt) ngự Hủy	mùa) ngự Hủy	(mặt trời lên)	ngự Hủy đức	ngự Hủy đức
đức Thiệu Trị	đức Tự Đức	Hiệp Hòa	Khôn Phước	Lâm Nghi

BIỆN	CHIÊU	HOẢNG	TUẦN	DIỄN
Thượng Nhựt hạ biện (Mặt trời sáng) ngự Hủy đức Đồng Khánh	Tả Nhựt Hữu Triệu (sáng rỏ) ngự Hủy đức Thành Thái	Thượng Nhựt Hạ quang (mặt trời sáng) ngự Hủy đức Duy Tân	Tả Nhựt Hữu Tuần (sáng) ngự Hủy đức Khải-Định	Tả Nhựt Hữu Diễn (sáng) ngự Hủy đức Kim Thượng
TỪ	TUYÊN	GIẢN	HUYỀN	LỊCH
Thượng Tri, Hạ Nhựt (Khôn)	Tả Nhựt Hữu Tuyên (Ấm)	Tả Nhựt Hữu Giản (sáng)	Tả Nhựt Hữu Cán (Hơi mặt trời)	Tả Nhựt Hữu Lịch (sáng)
CHẤT	TÍCH	YẾN	HY	DIÊN
Tả Nhựt, Hữu Chi (Lớn)	Thượng tích Hạ nhựt (sáng)	Tả Nhựt Hữu Yến (ấm)	Tả Nhựt Hữu Hy (sắc mặt trời)	Tả Nhựt Hữu Duyên (mặt trời đi)

Hai chục chữ trên đây, đều có chữ « Nhựt », hoặc ở bên tả, hoặc ở trên đầu, hay là ở phía dưới chữ. Hễ khi nào Hoàng tử được tấn tôn lên ngôi Hoàng đế, thì lấy một chữ trong đó mà đặt ngự danh. Từ đức Hiến Tổ, vua Thiệu Trị, (là Hoàng trưởng tử của đức Thánh Tổ, Minh Mạng) cho đến đức Kim Thượng Bảo Đại (là Hoàng trưởng tử của đức Hoàng Tôn, Khải-Định) đã dùng hết 10 chữ (mà đặt ngự danh) ở câu thứ nhứt và thứ nhì rồi.

ĐỀ-HỆ (Dòng dõi nhà vua)

MIÊN	Bộ Miên: (Dài) (trưm)	HỒNG	Bộ Nhơn: (Lớn) (người)	UNG	Bộ Thị (Nên) (Bảo)	BỬU	Bộ Sơn: (Báu) (núi)	VĨNH	Bộ Ngọc: (dài, xa) (ngọc)
BẢO	Bộ phụ: (giữ) (gò)	QUÍ	Bộ nhơn: (dang) (người)	ĐỊNH	Bộ ngôn: (định) (nói)	LONG	Bộ Thủ: (Thanh) (tay)	TRƯỜNG	Bộ Hòa: (Dài) (lúa)
HIỀN	Bộ Bối: (Hiền) (của)	NĂNG	Bộ lực: (hay) (sức)	KHAM	Bộ thủ: (xiếc) (tay)	KẾ	Bộ Ngôn: (Nối) (nói)	THUẬT	Bộ Tâm: (Noi) (lòng)
THẾ	Bộ Ngọc: (Đời) (ngọc)	THUY	Bộ Thạch: (Điễm) (đá)	QUỐC	Bộ Đại: (nước) (lớn)	GIA	Bộ Hòa: (Tốt) (lúa)	XƯƠNG	Bộ Tâm: (Thanh) (lòng)

Bốn câu trên đây, thuộc về thơ « ngũ-ngôn ». Các ông Hoàng, con đức Minh Mạng đều dùng chữ « Miên » làm chữ « lót », còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ : « Miên » (giãn đầu) mà đặt.

Các ông Hoàng, con đức Thiệu-Trị đều dùng chữ « Hồng » làm chữ « lót » còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ « Nhơn » mà đặt. — Các ông Hoàng con nuôi đức Tự Đức đều dùng chữ « Ung » làm chữ « lót » còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ « Thị » mà đặt. — Các ông Hoàng, con đức Đồng-Khánh đều dùng chữ « Bửu » làm chữ « lót », còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ « Sơn » mà đặt. — Các ông Hoàng con đức Thành Thái, đức Khải Định đều dùng chữ « Vĩnh » làm chữ « lót », còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ « Ngọc » mà đặt. — Các ông Hoàng con đức Kim Thượng đều dùng chữ « Bảo » làm chữ lót, còn tên « Huý » thì lựa chữ nào có bộ « Phụ » mà đặt. Từ đức Thiệu Trị (con đức Minh Mạng) trở xuống cho tới đức Hoàng Thái Tử Bảo-Long (con đức Kim Thượng) đã dùng được 6 chữ và 6 bộ chữ trong bài thơ trên đây rồi.

THÂN PHIÊN THỂ HỆ

(Dòng dõi các vị Hoàng-thân)

1) DÒNG DỐI ĐỨC ANH-DUỆ

(Tên húy-Cảng, con cả của đức Gia-Long, khi mất truy tặng là Đông-cung Anh-Duệ Hoàng Thái-Tử).

MỸ	Bộ	LÊ	Bộ	ANH	Bộ	CƯỜNG	Bộ	TRĂNG	Bộ
Tốt, đẹp	Thổ : đất	Tốt	Kim : vàng	Bông tốt	Thủy : nước	Mạnh	Mộc : cây	Mạnh	Hỏa : lửa
LIÊN	»	HUY	»	PHẬT	»	BỘI	»	HƯƠNG	»
liền		sáng, tốt		Ra		Đeo		Thơm	
LÊNH	»	NGHI	»	SÙNG	»	TỐN	»	THUẬN	»
lành		phép		Chuôn		Thuận		Thuận	
VĨ	»	VỌNG	»	BIỂU	»	KHIÊM	»	QUANG	»
lon		trông		Nên		Khiêm tốn		Sáng	

Các con cháu của đức Anh Duệ đều dùng chữ trong bài thơ này mà đặt chữ « lót » và coi theo bộ « ngũ hành » mà đặt tên « Huý ». Tỷ như ông Hoàng Mỹ Đường, (con của đức Anh Duệ) chữ « Mỹ » dùng chữ ở câu thơ, chữ « Đường » (nhà) có bộ « Thổ » (đất) ở nước, rồi cứ lần lược mà đặt tên cho hết bài thơ. Các Hệ khác cũng noi theo như vậy.

2) DÒNG DỐI NGÀI KIẾN-AN

(Tên húy : Dai, con thứ năm của đức Gia-Long, em đồng mẫu với đức Minh-Mạng, được phong tước là Kiến-an-vương (phủ Kiến-an thuộc tỉnh Định-Tường ngày xưa).

LƯƠNG	Bộ Lành	KINH	Bộ Thổ : đất	KIM	Bộ Kim : vàng	AN	Bộ Thủy : nước	NHON	Bộ Mộc : cây	THUẬT	Bộ Hỏa : lửa
DU	»	HÀNH	»	SUẤT	»	NGHĨA	»	PHƯƠNG	»		
xa, lời trợ ngữ		làm		noi		nghĩa		chép			
DUNG	»	DI	»	TƯƠNG	»	THỨC	»	HẢO	»		
Hòa		vui		cùng		chỉn, phép		tốt			
CAO	»	TÚC	»	THÁI	»	VI	»	CHƯƠNG	»		
Cao		trợ Tú : sao		Màu thể mau		làm		văn vẽ, rực rỡ			

3) DÒNG DÔI NGÀI ĐỊNH-VIÊN

Tên húy « Bích » con thứ 6 của đức Gia-Long được phong trước : Định-Viên quân Vương. Phủ Định-Viên thuộc về tỉnh Vĩnh-long ngày xưa.

TỊNH	Bộ Yên lặng	HOÀI	Bộ Thổ : đất	CHIÊM	Bộ Kim : vàng	VIÊN	Bộ Thủy : nước	ÁI	Bộ Hỏa : lửa
CẢNH	»	NGƯỠNG	»	MẬU	»	THỊNH	»	HOA	»
Cảnh		Ngửa		Tốt		Tiếng		bông đẹp	
NGHIÊM	»	KHÁC	»	DO	»	TRUNG	»	ĐẠC	»
Nghiêm kính		Kính		Bởi		Lòng		Thông	
LIÊN	»	TRUNG	»	TẬP	»	CÁT	»	ĐA	»
Liên		Ngay		Nhóm		Lành		Nhiều	

4) DÒNG DÔI NGÀI DIÊN-KHÁNH

Tên húy « Tấn », con thứ 7 của đức Gia long, được phong trước Diên khánh vương. Phủ Diên-khánh ở về tỉnh Khánh-Hòa.

DIÊN	Bộ Thổ : đất	HỘI	Bộ Kim : vàng	PHONG	Bộ Thủy : nước	HÀNH	Bộ Mộc : cây	HIỆP	Bộ Hỏa : lửa
NGUYÊN	»	PHÙNG	»	THÁI	»	LÀNG	»	NGHI	»
đầu		gập		tốt		rạng sáng		nên	
HẠO	»	LƯU	»	THÀNH	»	TÚ	»	DIỆU	»
dày		đề		nên		tốt		tốt	
DIÊN	»	KHÁNH	»	THÍCH	»	PHƯƠNG	»	HUY	»
dài rộng ra		phước		đến		thơm		tốt	

5.) DÒNG DỐI NGÀI ĐIỆN-BÀN

Tên Huy Phổ, con thứ 8 của đức Gia - Long được phong tước Điện - Bàn - Công. Phủ Điện - Bàn ở về tỉnh Quảng - Nam.

TÍN	BỘ ĐIỆN	BỘ	TU	BỘ	DUY	BỘ	CHÂN	BỘ
Tin	Thổ : định đất	Kim : vàng	lo nghĩ	Thủy : nước	ngũ chín	Mộc : cây	ngay	Hỏa : lửa
THÀNH	TỒN	LỢI	KIỆN	TRINH				
thiệt	còn	lợi	dụng	ngay				
TÚC	CUNG	TOÀN	HỮU	NGHỊ				
nghiêm	kính	tròn	bạn	tình				
chỉnh				nghĩa				
VINH	HIỀN	TẬP	KHANH	DANH				
vinh	rõ rệt	nói	quan	tiếng, tên				
vang		vung	khanh, người					

6.) DÒNG DỐI NGÀI THIỆU-HÓA

Tên Huy « Chấn », con thứ 9 của đức Gia-Long, được phong tước Thiệu-Hóa quân Vương. Phủ Thiệu-Hóa ở về tỉnh Thanh-hóa.

THIỆN	BỘ	THIỆU	BỘ	THUẦN	BỘ	TUẦN	BỘ	LÝ	BỘ
lành	Thổ : đất	nổi	Kim vàng	tròn ròng	Thủy nước	núi	Mộc cây	lẽ	Hỏa: lửa
VĂN	TRI	TẠI	MÃN	CẦU					
nghe	biết	ở	siêng, lành	tìm					
NGỪNG	LÂN	TÀI	CHÍ	LẠC					
đóng, đặt	con lân	tài, giỏi	đến, rất	vui					
ĐỊCH	ĐẠO	DOÃN	PHU	HỮU					
tới, dạy	đạo, đường	tin	tin	tốt					

7.) DÒNG DỐI NGÀI QUẢNG-OAI

Tên Huy : « Quân ». Con thứ 10 của đức Gia-Long được phong tước Quảng-oai-công. Phủ Quảng-oai ở về tỉnh Sơn-Tây.

PHỤNG	BỘ	PHỦ	BỘ	TRUNG	BỘ	KHẢI	BỘ	QUẢNG	BỘ
chum phụng	Thổ: đất	bùa	Kim: vàng	vời	Thủy: nước	mở	Mộc: cây	rộng	Hỏa: lửa
KIM	NGỌC	TRÁT	TIÊU	KỶ					
vàng	ngọc	vượt cao	nếu	lạ					
ĐIỀN	HỌC	KỶ	GIA	CHỈ					
phép	học	hẹn	thêm	chỉ					
GIÁO	DI	KHẮC	TỰ	TRÌ					
dạy	lễ thường	hay, được	minh	cầm					

8.) DÒNG DỐI NGÀI THƯỜNG-TÍN

Tên Hủy (?) con thứ 11 của đức Gia long được phong tước Thường tin công. Phủ Thường tin ở về tỉnh Hà nội ngày xưa.

THƯỜNG	Bộ Thổ: đất	HỮU	Bộ Kim: vàng	TUÂN	Bộ Thủy: nước	GIA	Bộ Mộc: cây	HUẤN	Bộ Hỏa: lửa
LÂM	»	TRANG	»	TUY	»	THẠNH	»	DUNG	»
lời		kính		ròng tròn		thanh		dáng	
THẬN	»	TU	»	DI	»	TẤN	»	ĐỨC	»
ghin		trầu		càng		lời		đức	
THỌ	»	ICH	»	MẬU	»	TÂN	»	CÔNG	»
chịu		thêm		thanh lớn, tốt		mới		công	

9.) DÒNG DỐI NGÀI AN-KHÁNH

Tên Hủy « Ngột » con thứ 12 của đức Gia-Long, được phong tước An-Khánh-Công. Phủ An khánh ở về tỉnh Ninh-bình.

KHÂM	Bộ Thổ: đất	HOA	Bộ Kim: vàng	XUNG	Bộ Thủy: nước	Ý	Bộ Mộc: cây	PHẠM	Bộ Hỏa: lửa
kính		bông		khen		tốt		phép	
								khuông	
								khô	
NHÃ	»	CHỈ	»	THỦY	»	HOẢNG	»	QUI	»
ngay, rất		ở		mới, đầu		rộng		phép	
KHAI	»	ĐỀ	»	ĐẰNG	»	CẦN	»	DỰ	»
vui vẻ		thuận		dậy lên		siêng		khen	
QUYẾN	»	NINH	»	CỘNG	»	TẬP	»	HY	»
thương		yên		đều		nổi		sáng	

10.) DÒNG DỐI NGÀI TỪ-SƠN

Tên hủy (?) con thứ 13 của đức Gia-Long, được phong tước Từ-sơn Công. Phủ Từ Sơn ở về tỉnh Bắc-Ninh.

TỪ	Bộ Thổ: đất	THÊ	Bộ Kim: vàng	DƯƠNG	Bộ Thủy: nước	QUỲNH	Bộ Mộc: cây	CẨM	Bộ Hỏa: lửa
lành		màu sắc		giỏ		ngọc quỳnh		gấm	
PHU	»	VĂN	»	ÁI	»	DIỆU	»	CHƯƠNG	»
bày		chữ		tốt		chơi		rõ rệt	
BÁCH	»	CHI	»	GIAI	»	PHỤ	»	DỰC	»
trăm		nhành họ		đều		giúp		cảnh, giúp	
								rủ	
VẠN	»	DIỆP	»	HIỆU	»	KHUÔNG	»	TƯƠNG	»
muốn		lá		ra sức		sửa ngay		giáp	

THƯỢNG-TÂN-THỊ cần dịch thuật

RỪNG VÀNG CỦA CON TÔI

MỸ-ẨM TRƯƠNG-VINH-TỔNG

(Tiếp theo)



NGUỜI trong nhà có sự lầm lỗi, chẳng nên giận dữ, cũng chẳng nên bỏ liều; lầm-lỗi ở việc này, thì mượn việc khác mà rầy dạy, ngày nấy chẳng tỉnh thì chờ ngày khác dụ lần, vì như khi ẩm tan băng, gió nam giải nóng, cảm hóa một cách êm-dềm lặng-lẽ, ấy là mô phạm trị nhà. Vì tình xương thịt có thể xa nhau được sao, cho nên cần phải rầy dạy, mà rầy dạy bằng đạo cương-trực, gặp việc gì cứ tranh lộn nhau boài, thì trong gây mối loạn ở cửa nhà, ngoài để trò cười với hàng xóm.

Sự bõn giận là con ma phá khuấy cảnh vui sướng; con người ta bề nhằm lúc có điều chẳng vui sướng, mà trong nhà có kẻ xúc phạm đến mình thì thường chán ghét mà sanh giận sanh hờn, rồi sẽ có câu nói; quá đáng trả lại với người ta; cái căn tánh xấu ấy ở người tâm thường ít ai khỏi có. Còn người có học thức, ở lúc bình-tĩnh đã biểu lẽ đo, thì nhằm lúc trong lòng mình xảy có sự chẳng vui sướng, nên ra chơi ngoài kiếm cảnh tiêu-khiến, đừng để căn-lạnh xấu kia nó phát hiện ra. Đối với người trong nhà nhằm lúc chẳng khoái chẳng vui, cũng nên tránh xa đi, đừng xúc phạm họ để cho xi ra với mình bằng cái căn-lạnh xấu ấy.

Nếu trong một gia-đình mà người này người kia đều biểu lẽ đo, thì không bao giờ nghe có tiếng cãi lầy, không bao giờ thấy có vẻ giận hờn, mà khi hòa đem lại điềm lành, tỏ ra cái gia-đình có hạnh phúc. Cái môn phong nhà hạnh phúc đã rèn luyện thành nền nếp đạo đức, cả từ đứa con nít cũng đều tập làm thói quen, cho nên sách nói rằng: « Con nít nhà đức Không-lữ chẳng biết hờn, con nít nhà thầy Tăng-tử chẳng biết giận ».

Phàm những cơ quan giáo dục ấy, đều ở trong mô-phạm của người chủ nhà, nhà có chủ như nước có vua? người trong một nhà đều coi đó bắt chước, người làm chủ đem đạo chánh

xuống suốt, thì tự nhiên người trong một nhà không ai chẳng theo đạo chánh : trái lại, nếu người làm chủ bất chánh mà muốn người nhà noi theo đạo chánh, thật khó lắm thay. Cho nên nói rằng : « *Công chánh nghiêm mình là phép đệ nhất của người gia trưởng, an tường cung thuận là phép đệ nhất để dạy con em* ».

Dạy con em cũng như giữ-gìn người con gái trong khuê-phòng, rất cần phải nghiêm-nhắc lúc ra vô, cần thận việc giao tiếp, nếu giao tiếp với kẻ bậy bạ, ra vô ở chỗ quàng xiên, chẳng khác gì khoảnh ruộng quang sạch mà để cho cỏ rã mọc rườm, rồi sau này khó lòng trồng cấy giống lúa tốt đặng nữa. Cho nên nói rằng : « *Ruộng xa sĩ nhục là nghĩa đệ nhất, dạy con em nhà hèn khó, lánh xa là nịnh là nghĩa đệ nhất dạy con em nhà sang giàu.* »

Dẫu là con em nhà sang giàu, cũng cần phải khiến cho nếm mùi hèn khó, bầy thử coi từ xưa các trang thánh hiền hào kiệt phần nhiều là do từng trải cảnh huống hèn khó mà làm nên. Bởi vì hèn khó thì biết cách lập thân, biết nghĩ cách lập thân thì trăm việc đều làm được, mà dẫu có hèn khó hoài hoài đi nữa, cũng hoàn toàn được cái bổ, lãnh quân từ cổ cùng. Còn mấy kẻ sản nết nếp sang giàu của ông cha, phần nhiều quen thói kiêu xa, mà có khi trụy lạc tới cực điểm.

Cho nên thương con em mà chẳng dạy cho giữ bốn phận, biết đạo lý, dẫu để cho nó ngàn muôn điều sản, thì chỉ là dành làm tài liệu hoang dâm mà thôi. Huống chi sang giàu là cái vinh sũng tạm thời, nếu muốn cho con em nhờ được lâu dài, thì không gì hơn là dạy cho nó có học thức và thực nghiệp. Ông Trương-vương-Viên nói : « *Con em dẫu tập nghiệp sách vở, cũng nên khiến cho biết chuyện làm ăn ; dẫu theo nghề làm ăn, cũng nên khiến cho biết mùi sách vở* ». Bởi vì học thức mà không có thực nghiệp thì thành là người học thức phù phiếm, thực nghiệp mà không có học thức thì hóa ra nhà thực nghiệp dã man.

Trừ ngoài việc giáo dục ra, việc kinh tế cũng là rất trọng : vì gần thì chuyện xây dựng ăn mặc, xa thì chuyện kiến thiết thù tạc, đối nội hay là đối ngoại, đều cần có tài sản mới xong. Vậy kinh tế là khoa học thiết yếu trong gia đình, kẻ có trách nhiệm gia đình chẳng nên không nghiên cứu.

Chúng ta bàn chuyện kinh-tế với một người nọ, hãy coi cái cách sắp đặt thâu vén của trong nhà người ấy ra sao ; chưa

hỏi đến tài sản giàu nghèo, thiếu đủ chừng nào, cũng đã hiểu qua nghề kinh-lẽ của nhà ấy là hay, hay là dở. Nghĩa là tri nhà qui hồ có trật-tự, ắt phải làm được trong nhà sạch-ẽ hẳn-hỏi, khiến cho người ta thấy mà sanh lòng vui, đừng khiến cho người ta thấy mà sanh lòng chán. Tỷ như đến một nhà nọ, thấy đồ đạc lộn xộn, sân thềm dơ bụi, thì chẳng cần xét tới sổ sách rương tủ, cũng đủ biết việc kế toán trong nghề kinh-tế của nhà ấy là không rành rẽ rồi. Kế toán không rành rẽ, thì còn chẳng biết, hết chẳng hay, sổ chi tiêu không phù-hạp, buôn bán làm ăn đều lộn xộn, như thế thì tài sản có hòng tấn phát được đâu.

Việc kinh-tế theo nghề nông, nghề công hay là nghề thương, đều nên nghiên cứu đến các sách chuyên-khoa, đây chỉ bàn cái lẽ kinh-tế mà thôi; thì làm nghề gì mặc dầu, cái chủ yếu chẳng ngoài hay chữ *Cần* và *Kiệm*. *Cần* thì được việc, *kiệm* thì dư xài, sách Đại-học nói rằng: « *Phần sanh ra nhiều, phần ăn đi ít, phần làm ra mau, phần xài ra chậm, thì của thường đủ* ». Từ tri nhà cho chi tri nước, đều lấy cần *kiệm* làm đạo cả sanh tài. Cho nên vua Đại-Võ nhà Hạ là một vị thánh-quân, mà kinh Thư tán đức-tánh của ngài bằng bốn chữ *Khắc cần* *Khắc kiệm*. Ngài làm việc, tiết từ ắc bòng, đủ thấy là cần; coi một thiên Võ công sắp đặt đồ công của thũ trong thiên-ba rất chi-ly, đủ thấy là *kiệm*. Ông Đào-Khẩn nhà Tần là một ngôi hiền tướng, mà cần đến đôi khi rảnh việc quan, thì hằng ngày buổi sáng vẫn một trăm cái chinh ra sân, tối đến lại vẫn vô, là ý tập quen cái tánh siêng năng để luyện lấy sức làm việc; *kiệm* đến đôi khi sửa sang đình-thự, ông để dành lại những mai cửa và mắt tre, chẳng ai hiểu là ý gì. Sau đó xảy có việc chiến tranh, phải sửa chiến-hạm, ông bèn sai đem mắt tre làm đinh đóng thuyền, mắt cửa ngà sơn trét thuyền; chừng đó người ta mới hiểu những thứ lặt vặt mà ông dành dụm đó là đồ hữu dụng hết thảy.

Việc nước còn vậy, huống chi là việc nhà. Trong một gia-đình, ông cha tiện tận siêng năng, hao tốn bao nhiêu nước mắt mồ hôi mới gây dựng nên cơ nghiệp để dành cho con cháu, thì kẻ làm con cháu cũng phải nên siêng năng tiện tận mà giữ gìn lấy, sanh sôi ra để làm tài liệu nuôi dạy gây dựng cho con cháu mình về sau; chớ nên làm biếng xài hoang mà phá hoại đi, dễ mang tội, trước bất hiếu với ông cha, sau bất từ với con cháu.

(Còn nữa)

ÁI-TÌNH MIẾU

TIỂU-THUYẾT CỦA HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)



Ó bữa vợ chồng ngồi chơi ngoài nhà mát, rồi chồng nhớ việc Huân nên buồn hiu. Vợ thấy vậy tưởng chồng nhớ cô Hạnh nên cũng buồn. Vợ chồng nhìn nhau, mà mỗi người nghĩ một ngã, thành ra xác gần trong gan tấc, mà tri cách xa muốn dăm.

Mùa mưa đã tới rồi. Nhiều khi trời mưa, cô Lý ngồi ngo giọt mưa trót giờ, không nói một tiếng chi hết.

Ban đêm Phúc thường chong đèn ngồi đọc sách, có bữa đọc tới trời gần rụng đông mới đi nghỉ.

Tại thương nhau quá rồi sợ người ta chia cái thương của mình nên sanh ghen, chớ chẳng có chi lạ. Ghen mà không chịu nói ra, cứ ôm ấp trong lòng để nghi nhau, tự nhiên phải gây cái bầu không-khí buồn bực trong nhà như vậy.

Bà giáo Viễn vì thương con thương dâu, nên bà để ý đến cách cử động của con dâu luôn luôn. Cái không khí buồn bực vừa phát hiện thì bà đã thấy liền, song bà tưởng dâu bà buồn là tại chán ngán thú quê mùa, bởi vậy lúc ăn cơm chiều với con và dâu bà nói :

« Lúc này trời mưa gió, ở trên này bùn lầy dơ dáy lắm, mà lại ban đêm nhái ếch dưới bụng nó kêu thiệt là buồn. Vậy má muốn hai con xuống thăm anh rồi xin phép anh dựng ở dưới chơi ít tháng, chừng bớt mưa rồi sẽ trở về trên này ».

Phúc nghe mẹ dạy như vậy thì châu mày, song liếc mắt ngo chừng coi vợ có vui mà vưng lời hay không.

Cô Lý bình tĩnh đáp với mẹ chồng :

— Con đợi trời mưa dựng con trồng bông chơi. Con đã có biểu thằng Biện kiểm củ huệ dựng con giâm má trồng.

— Như con muốn trồng thứ bông gì thì con nói cho má biết rồi má kiểm giống má trồng cho. Con về ở dưới chơi ít tháng, chừng con trở lên má trồng đủ hết.

— Con thấy họ trồng môn, họ mua cũ bên tây, thứ nào là coi cũng đẹp lắm. Con đã có viết thư mua 12 thứ khác nhau đáng con trồng thử. Nếu lên tốt thì con sẽ mua thêm nữa. Nội tháng này có lẽ củ môn sẽ qua tới. Nếu con đi chơi thì làm sao mà lãnh đồ đó.

— Má lãnh cho.

— Anh Phúc tính ít bữa nữa mướn cây đất dựng giâm mía lại. Nếu vợ chồng con đi rồi ai coi làm. Con nhắm đi chơi không tiện.

— Có má ở nhà mà con lo nỗi gì. Vậy chờ hồi thằng Phúc còn học bên tây, ai vô đây mà coi. Thấy con mắc dạy học, có một mình má mà cũng xong vậy.

— Bây giờ má già rồi. Có vợ chồng con thì vợ chồng con phải lo dựng cho má nghỉ chơi.

— Chỉ cho người ta làm, có một nhọc gì lắm mà phải nghỉ.

— Vợ chồng con không đành đi chơi mà để cho má làm việc.

Bà giáo ép dẫu không được thì bà dạy qua nói với con :

— Tuy con hai nói như vậy, song con cũng cứ dắt nó đi chơi. Ở trên này nó buồn, mà chịu không được.

— Nó không muốn xuống Saigon thì thôi, má ép làm chi. Con cũng không muốn đi đâu hết.

— Má coi lúc này sao bộ con cũng không vui như mấy tháng trước. Như không muốn xuống Saigon, thôi thì dắt nhau đi Đà Lạt, hoặc đi Hà Nội mà chơi.

Phúc lặng thinh, ăn hết chén cơm rồi đi rửa tay, không trả lời với mẹ nữa.

Sáng bữa sau Phúc đi Đường-Long, vì sợ mắc mưa dọc đường ướt lạnh, nên không dắt vợ theo.

Cô Lý ở nhà cô biểu thằng Biện xúc phân dặng cô rải vô đám rau rồi cô dọn một liếp mà giâm huệ. Cô lui cui làm đến nỗi nằng, cô mới đi rửa mặt rồi vô phòng nằm nghỉ. Cô nhớ tới tâm sự của cô thì trong lòng bát ngát, không vui chút nào hết. Mình thương chồng, mà chồng không thương mình, cứ nhớ người khác ! Trước kia mình tưởng dùng thang thuốc ái tình mà giải tâm bịnh cho chồng được, té ra thang thuốc ấy không công hiệu.

Bây giờ phải làm sao ? Vì mình có cái óc lẳng-mạng, nên ngày nay mới phải chịu vô duyên bạc phận như vậy, chớ nếu mình làm theo chị em, mình chọn người tâm hồn bình tịnh.

lành-àì trong sạch mà trao thân, thì niềm vợ chồng đâu không được nồng-nà cho lắm, song cũng không đến nỗi phải nhâm ngậm ức-uất. Mình thấy anh Phúc thống khổ về tâm bịnh, mình động lòng thương xót, mình tính làm quen với cô Hạnh rồi lập thể đem tình của cô mà trả lại cho anh Phúc ấy là kể hay q á. Mình đi lên trên này làm chi cho anh Phúc tỏ tình với mình và xin cưới mình. Mà đâu anh muốn xin cưới, mình rõ biết anh đã nặng tình với cô Hạnh, thì mình từ phút đi, mình động lòng từ-bi, mình làm mặt can đảm mà trog anh làm chi rồi bây giờ mình bức-tức.

Tại sao mình bức-tức ? Tại mình ghen... Phải. Tại mình ghen, nên mình mới phiền não. Sao mình phiền ? Tại anh Phúc nhớ cô Hạnh. Tuy trước khi cưới mình, anh Phúc có hứa anh sẽ quên cô Hạnh, không thêm nhớ nữa, song sự quên hay là sự nhớ không phải muốn được, nó xảy ra trong trí thỉnh-linh, không ai có tài nào mà ngăn cản. Ấy vậy anh Phúc không có lỗi gì hết, mình không nên phiền trách anh. Anh là người có bịnh mình vô duyên bất lực nên mình trị bịnh cho anh không được thì mình chịu, chớ mình trách anh thì không công bình... Lỗi tại mình chớ nào có tại ai. Tại mình muốn đoạt tình của cô Hạnh, mà tình ấy không chịu về tay mình, vậy thì mình phải trả-lại cho cô Hạnh mới công bình... Làm sao mà trả ?... Như dịp má ép mình về ở Saigon mà chơi ít tháng, mình xuôi anh Phúc vưng lời má đặt mình đem anh xuống ở Saigon cho anh gần cô Hạnh... Được... Cha chả ! Mà nếu anh Phúc chấp mối tình xưa lại với cô Hạnh, rồi phận mình phải làm sao ?... Khó lắm, khó hơn nữa !

Cô Lý suy nghĩ tới đó rồi cô buồn bìn, cô nằm im liêm mà nước mắt chảy đầm dề. Cô khóc một hồi rồi cô ngồi dậy, với tay mở cửa sổ trong phòng cho sáng, lại bàn viết mà ngồi và lấy giấy viết một bức thư cho cô Mỹ, Cô va viết và suy nghĩ, viết trót giờ mới rồi. Cô niêm lại kín đáo đề ngoài bao đặt gói cho cô Mỹ, rồi kêu thằng Riện biểu đi bỏ giùm thư.

Cô Lý vừa trao thư cho thằng Biện thì Phúc về tới. Phúc bước lên thềm, gặp thằng Biện cầm phong thư đi ra, Phúc chặn lại mà coi ngoài bao rồi trả cho nó và khoát tay biểu đi.

Cô Lý thấy chồng thì đôi buồn làm vui, tuy vậy mà sặc mặt vẫn còn vẩn vít nét tư lự nên Phúc thấy liến. (Còn tiếp)

Autorisé par arrêté du Gouverneur Général

N° 500-N du 17 Juil'et 1942

Imprimerie THANH MẬU

3, rue de Reims — Saigon

L'Administrateur Gérant ;

— HỒ VĂN KỶ-TRẦN —

Ung. 1.300



